

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/DS-ST

Ngày: 24 - 11 - 2020

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Minh Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Lan;

Ông Lương Văn Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà La Hồng Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1950; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; nơi cư trú: khóm 3, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; là đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 07/02/2018). (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hồ Văn Trung H1, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

2.2. Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1924 (chết ngày 26/9/2018).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm:

- Ông Hồ Văn Trung H1, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

- Ông Hồ Văn D, sinh năm 1960; nơi cư trú: Tổ 5, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

- Bà Hồ Thị Thùy T, sinh năm 1961; nơi cư trú: ấp 2, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

- Bà Hồ Thị Phượng L, sinh năm 1963; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- Bà Hồ Thị Kim H, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- Bà Hồ Thị Phượng D, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

- Bà Hồ Thị Tuyết H, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- Bà Hồ Thị Huỳnh G, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

### 3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hồ Thị D, sinh năm 1961; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị D: ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 477A/24, khóm Bình Thới 3, phường Bình Khánh, thành phố L, tỉnh An Giang; là đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 07/02/2018). (có mặt)

3.2. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang; trụ sở: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.3. Ông Hồ Văn Trung H1, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

3.4. Ông Hồ Văn D, sinh năm 1960; nơi cư trú: ấp Lg, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

3.5. Bà Hồ Thị Thùy T, sinh năm 1961; nơi cư trú: ấp 2, xã Kiến Thành, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

3.6. Bà Hồ Thị Phượng L, sinh năm 1963; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.7. Bà Hồ Thị Kim H, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp L, xã Long Giang, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.8. Bà Hồ Thị Phượng D, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp 2, xã Long Điền B, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

3.9. Bà Hồ Thị Tuyết H, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.10. Bà Hồ Thị Huỳnh G, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn H (sau đây gọi tắt là ông H) và người đại diện theo ủy quyền của ông H cùng trình bày:*

Nguồn gốc đất của ông nội vợ là ông H1 Hồ Văn D để lại gồm đất ở, đất nông nghiệp và cho các con cất nhà ở gồm có:

1. Ông Hồ Văn U nay do ông Hồ Văn T thừa hưởng;
2. Ông Hồ Văn K nay là Hồ Văn Trung H1 thừa hưởng;
3. Ông Hồ Văn N (cha vợ của ông): nhà của ông N ở mặt tiền, sau đó mới chia cho con là Hồ Thị D và con rể là ông Nguyễn Văn H (chồng của bà Hồ Thị D) từ phía sau nhà đến mặt hậu.

Khi đó chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2000 Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đo đạc đại trà nên ông N và vợ chồng ông đã đăng ký cấp giấy. Đến năm 2001, ông được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05432 QSDĐ/eB ngày 12/11/2001 nhưng chỉ ghi tên ông Nguyễn Văn H, nhưng ông xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông được cha vợ là ông N tặng cho sử dụng.

Sau thời điểm ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà B (mẹ ông H1) có cất nhà củi (cách nay khoảng 5, 6 năm) ông có biết và thấy có lấn qua đất của ông nhưng nghĩ bà con không có gì nên ông không có ý kiến. Sau này do phía ông H1 hay cựa cãi nên ông không đồng ý nữa. Trước đây do bà B còn sống nên ông khởi kiện yêu cầu cả bà B và ông H1 tháo dỡ di dời phần nhà củi và 02 trụ đá đã cắm lấn qua phần trên đất của ông. Nhưng nay bà B đã chết, ông H1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất và nhà củi của bà B nên ông xác định chỉ yêu cầu ông H1 phải thực hiện việc tháo dỡ các vật kiến trúc (phần nhà củi), trụ đá trả lại cho ông phần đất lấn chiếm diện tích 8,6 m<sup>2</sup> theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C lập ngày 30/9/2019; cũng như yêu cầu ông H1 phải chấm dứt hành vi cản trở ông sử dụng quyền sử dụng đất mà ông được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05432 QSDĐ/eB ngày 12/11/2001, diện tích 739.20m<sup>2</sup>.

Đối với yêu cầu của ông H1 về việc xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông: ông không đồng ý do ông đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05432 QSDĐ/eB ngày 12/11/2001, diện tích 739.20m<sup>2</sup> đúng quy định pháp luật. Về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì do xã thông báo và yêu cầu các hộ dân phải tự cắm mốc ranh bằng trụ đá trước khi cán bộ đến đo đạc. Do đó, ông đã thực hiện thủ tục cắm trụ đá khi đó ông nhớ ông K đã bị tai biến nằm trong nhà, nhưng phía nhà ông K vẫn có nhiều người cùng thực hiện thỏa thuận cắm trụ đá, trong đó có mặt của ông H1. Việc ông H1 trình bày năm 2014, cán bộ địa chính xã xuống đo đạc cắm trụ đá là có, nhưng khi đó ông đã có tranh chấp ở Tòa án nhân dân huyện C và ông không đồng ý ký tên biên bản, vì sơ đồ vẽ phân chia như ông H1 trình bày là do ông T mới vẽ sau này chứ không phải có từ năm 1976 khi phân chia đất từ ông D. Nếu có, tại sao năm 2000, khi đo đạc cấp giấy cắm ranh phía ông H1 không đưa ra.

*Theo bản tự khai, đơn yêu cầu phản tố và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Văn Trung H1 và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trịnh Thị B, đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (sau đây gọi tắt ông H1) trình bày:*

Ông H1 thống nhất trình bày của ông H1 về nguồn gốc đất của ông nội là ông Hồ Văn D để lại cho các con sử dụng. Sau đó ông Hồ Phước Thủ là con út của ông nội ông đứng ra đại diện phân chia lại cho 03 người anh ruột (như ông H1 trình bày) 03 phần bằng nhau với: mặt tiền 7,8m và mặt hậu 24,2m.

Vào năm 2000, khi ông H1 làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cha ông là ông Hồ Văn K đã bị tai biến mấy năm, nằm một chỗ và ông đi làm xa không có chứng kiến việc đo đạc cắm mốc ranh như ông H1 trình bày, việc mẹ ông là bà Trịnh Thị B có chứng kiến không, ông không nghe nói lại và không biết có hay không. Việc cha ông có lấn tay trên biên bản xác định ranh giới - mốc giới khu đất ngày 11 tháng 8 năm 2000 của ông H1 khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phần ký xác nhận của các chủ sử dụng đất kế cận, theo ông khi đó ông K đã bị tai biến nên không thể lấn tay được vì không thể đi ra phía sau hè để chứng kiến việc đo đạc. Ngoài ra, ông K biết chữ nên phải ký tên; dấu lấn tay ông không xác định được nhưng ông không yêu cầu trung cầu giám định.

Ông xác định hiện tại phần đất của ông K và bà B do ông trực tiếp quản lý và sử dụng, tuy có con trai và con dâu ở cùng nhưng không liên quan phần đất này, ông là người quyết định, nên ông cũng thống nhất với ông H1 đồng ý việc con trai và con dâu ông có liên quan đến tranh chấp này.

Đối với nhà cũ hiện trạng như Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C lập ngày 30/9/2019 là do mẹ ông bà B cất, về thời gian theo ông khoảng hơn 10 năm nay và hiện tại ông là người trực tiếp quản lý sử dụng chứ không phải là Thắng (con trai ông) như ghi chú trong sơ đồ bản vẽ. Về các trụ đá phía ông H1 cho rằng ông cắm lán qua đất, theo ông thực tế 02 trụ đá đó là do cán bộ địa chính xã N, huyện C cắm trụ khi địa phương xuống đo đạc đất của 03 gia đình (có biên bản ngày 22/10/2014) cán bộ xã thực hiện đo đạc xuống trụ đá căn cứ theo sơ đồ bản vẽ của ông T đã lập vẽ từ năm 1976.

Do đó, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H1, vì phần đất ông H1 tranh chấp do ông quản lý sử dụng từ trước đến nay, ông H1 tự ý kê khai và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nay ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05432 QSDĐ/eB ngày 12/11/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Văn H vì cấp không đúng quy định pháp luật. Nhưng nếu Tòa án xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1 là đúng quy định và theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/9/2019 xác định ông có xây cất, cắm ranh lán chiếm đất của ông H1 thì ông đồng ý tháo dỡ, di dời trả lại đất cho ông H1.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Bà Hồ Thị D và người đại diện theo ủy quyền có ý kiến:* bà thống nhất lời trình bày của ông H1, không có ý kiến bổ sung.

*Ông Hồ Văn D, đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trịnh Thị B có ý kiến:* ông thống nhất với ý kiến của ông H1 trình bày, ông không có yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án này. Ông xác định đây là tài sản chung của cha mẹ ông để lại là ông K và bà B, nhưng gia đình đã thống nhất để cho ông H1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này nên trong việc tranh chấp với ông H1 thì do ông H1 quyết định và có ý kiến.

*Ủy ban nhân dân huyện C có Công văn số 566/UBND-NC ngày 17/3/2020 V/v ý kiến trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05432eB ngày 12/11/2001 cho ông Nguyễn Văn H với nội dung:* Qua thẩm tra, xác minh UBND huyện C có ý kiến như sau: Nguồn gốc đất là của vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Hồ Thị D được cha là ông Hồ Văn N cho vào năm 1976, không có giấy tờ, không rõ diện tích, đất tọa lạc ấp N, xã N, lúc đầu thì cất nhà tạm, đến năm 1995 thì vợ chồng ông H1 cất nhà kiên cố và sử dụng ổn định cho đến nay.

Khi có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư nông thôn theo Quyết định 283/1999/QĐ-UBND ngày 13/02/1999 của UBND tỉnh An Giang quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất vườn, đất chuyên dùng tại nông thôn. Ông Nguyễn Văn H, bà Hồ Thị D làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất với diện tích 739,20m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm. Hồ sơ được các hộ tứ cận thống nhất ký tên, trong đó có ông Hồ Văn K (cha ông Hồ Văn Trung H1) và Hội đồng xét cấp giấy xã Nhơn Mỹ thống nhất và đề nghị UBND huyện cấp giấy cho ông Nguyễn Văn H. Ngày 12/11/2001, ông Nguyễn Văn H được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05432/eB, diện tích 739,20m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 13, thửa số 31 đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc ấp N, xã N. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Nguyễn Văn H là đúng đối tượng và trình tự thủ tục theo quy định. Đồng thời, UBND huyện C đề nghị được vắng mặt trong tất cả các thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trịnh Thị B đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Hồ Thị Thùy T, bà Hồ Thị Phượng L, bà Hồ Thị Kim H, bà Hồ Thị Phượng D: vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.*

Các đương sự ông Nguyễn Văn H, bà Hồ Thị D, ông Hồ Văn Trung H1 và ông Hồ Văn D: thống nhất với sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C lập ngày 30/9/2019; biên bản định giá tài sản ngày 29/6/2020 và về chi phí đo đạc, thẩm định định giá tài sản; về án phí sơ thẩm: thống nhất yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

*Tại phiên tòa:*

- *Ông H1 và người đại diện theo ủy quyền ông Phúc trình bày:* nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông H1 phải tháo dỡ di dời các vật kiến trúc gồm phần nhà củi, trụ đá nằm trên phần diện tích 8.6m<sup>2</sup> để trả lại phần đất lấn chiếm trên cho ông sử dụng. Ông thống nhất với Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C lập ngày 30/9/2019 và nay là Sơ đồ hiện trạng ngày 18/11/2020 (sau khi ông và ông H1 xác định người quản lý nhà củi tại phần ghi chú không chính xác đã được Tòa án yêu cầu Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C biên tập lại). Đồng thời, vẫn yêu cầu ông H1 phải chấm dứt hành vi cản

trở ông thực hiện quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất 739.2m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001. Về chi phí tố tụng ông yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ông H1 trình bày: Ông vẫn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H1, vì đất trước đây đã được chia làm 3 phần bằng nhau. Đối với yêu cầu Hủy giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1 ông vẫn yêu cầu xem xét như đã trình bày trước đây và xác định không yêu cầu trung cầu giám định dấu vân tay của ông K tại biên bản xác định ranh giới - mốc giới khu đất ngày 11 tháng 8 năm 2000 của ông H1. Nay Hội đồng xét xử xét giấy cấp cho ông H1 là đúng quy định và qua Sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 18/11/2020 nếu xác định ông có xây cất, cắm ranh lấn qua đất của ông H1 thì ông đồng ý tháo dỡ di dời theo bản án tuyên. Về chi phí tố tụng ông yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Riêng đối với việc ông H1 yêu cầu ông chấm dứt hành vi ngăn cản ông H1 sử dụng quyền sử dụng đất, theo ông do ranh đất đang có tranh chấp mà ông H1 đòi xây dựng tường nên ông không đồng ý, khi nào được xét xử xong rõ phần của ai thì ông H1 xây dựng.

- Bà D trình bày: thống nhất ý kiến của ông H1 và người đại diện theo ủy quyền của bà.

- Ông D, bà T, bà D1: thống nhất ý kiến của ông H1. Đây là phần đất của cha mẹ để lại nhưng anh em thống nhất để ông H1 quản lý sử dụng nên không có ý kiến tranh chấp gì trong vụ án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H. Buộc bị đơn ông Hồ Văn Trung H1 tháo dỡ, di dời các vật kiến trúc trả lại diện tích đất cho ông Nguyễn Văn H được xác định tại các điểm 8, 9, 10 diện tích đất 8.6m<sup>2</sup> trong đó có các điểm 31, 32, 33, 34 diện tích 0,9m<sup>2</sup> là một phần nhà cũ theo Sơ đồ hiện trạng do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C lập ngày 18/11/2020.

Không chấp nhận yêu cầu của ông H1 buộc ông H1 chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng đất của ông.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông H1 về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05432 QSDĐ/eB ngày 12/11/2001 của ông Nguyễn Văn H.

Buộc các đương sự chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

UBND huyện C có văn bản đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trịnh Thị B đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Hồ Thị Phương L, bà Hồ Thị Kim H, bà Hồ Thị Tuyết H, bà Hồ Thị Huỳnh G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện UBND huyện C, bà Loan, bà H, bà H1, bà G theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về phạm vi yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn ông H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H1, bà Trịnh Thị B; nay bà B đã chết nên ông xác định chỉ yêu cầu ông H1 phải tháo dỡ di dời các vật kiến trúc gồm phần nhà cũi, trụ đá nằm trên phần diện tích 8.6m<sup>2</sup> để trả lại phần đất lấn chiếm trên cho ông sử dụng do ông đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu ông H1 chấm dứt hành vi cản trở ông sử dụng quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông H1 có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số 05432QSĐĐ/eB, diện tích 739,20m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 13, thửa số 31 tọa lạc xã Nhơn Mỹ, huyện C, tỉnh An Giang do UBND huyện C đã cấp cho ông Nguyễn Văn H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu của đương sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Các đương sự tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 9 Điều 26, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về vị trí đất tranh chấp:

Ông H1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H1 phải tháo dỡ, di dời các vật kiến trúc gồm một phần nhà cũi, trụ đá nằm trên phần diện tích 8.6m<sup>2</sup> ông được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05432 QSĐĐ/eB ngày 12/11/2001 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C lập ngày 18/11/2020 để trả lại cho ông phần đất đã lấn chiếm.

Vị trí khu đất tranh chấp được thể hiện theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C lập ngày 30/9/2019, và sau đó các đương sự thống nhất phần nhà cũi là do ông Hồ Văn Trung H1 quản lý, sử dụng nên Tòa án đã có Công văn số 1146/TA-DS ngày 11/11/2020 và Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C đã biên tập lại Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 18/11/2020.

Qua đo đạc thực tế, thể hiện:

- Các điểm 1, 2, 10, 32, 9, 8, 12, 13, 14, 16, 17 có DT = 3476,5m<sup>2</sup>. Hiện trạng ông Hồ Văn Trung H1 đang sử dụng.

- Các điểm 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 có DT= 739,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa 30, tờ 13, cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Văn H.

Phần đất tranh chấp có các điểm 8, 9, 10 có diện tích = 8,6m<sup>2</sup>. Hiện trạng ông Hồ Văn Trung H1 đang sử dụng.

Các điểm 31, 32, 33, 34 có DT = 0.9m<sup>2</sup> là một phần nhà cũi của ông Hồ Văn Trung H1.

Các đương sự thống nhất Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C lập ngày 18/11/2020 và biên bản định giá tài sản ngày 29/6/2020.

[4.2] Đối với yêu cầu của bị đơn: Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05432 QSDĐ/eB do UBND huyện C cấp ngày 12/11/2001 cho ông Nguyễn Văn H.

Theo ông H1 trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1 không đúng theo quy định pháp luật vì phần đất trên ông quản lý từ trước đến nay, ông H1 tự ý kê khai và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông H1 không đồng ý với yêu cầu trên của ông H1 vì cho rằng việc ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, UBND huyện C đã có văn bản ý kiến xác định việc ông Nguyễn Văn H được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 739,20m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 13, thửa số 31 đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc ấp N, xã N là đúng đối tượng và thực hiện theo trình tự thủ tục theo quy định. Hơn nữa trước khi đăng ký quyền sử dụng đất đã tiến hành lập biên bản xác định ranh giới – mốc giới khu đất ngày 11/8/2000, tại biên bản trên đã thể hiện có những hộ liền kề ký tên (trong đó có cha của ông H1 là cụ Hồ Văn K xác nhận bằng dấu lấn tay). Ông H1 có ý kiến cho rằng ngày đo đạc cha ông cụ Kính đang bị tai biến nên không thể chứng kiến việc xác định mốc ranh và không biết mẹ ông cụ Trịnh Thị B có chứng kiến không; nhưng theo ông H1 thì ngày đo đạc mốc ranh ông là người đã thực hiện thủ tục cắm trụ đá và phía nhà ông H1 có nhiều người chứng kiến, có cả ông H1. Đồng thời việc ông H1 có cung cấp bản photo bản vẽ khu đất cho rằng có từ năm 1976, nhưng không được ông H1 thừa nhận và ông H1, ông Dương, bà Trang và bà Dung cũng không có yêu cầu giám định dấu lấn tay của ông K tại biên bản mốc ranh trên. Như vậy, ông H1 đã làm đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét duyệt xã Nhơn Mỹ đồng ý và lập thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 12/11/2001 ông Nguyễn Văn H được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05432 QSDĐ/eB với diện tích 739,20m<sup>2</sup>. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông H1 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05432 QSDĐ/eB ngày 12/11/2001 của UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn H.

[4.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn: buộc ông H1 phải tháo dỡ, di dời các vật kiến trúc gồm một phần nhà cũi, trụ đá nằm trên phần diện tích 8.6m<sup>2</sup> theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C lập ngày 18/11/2020 để trả lại cho ông phần đất đã lấn chiếm. Đồng thời, yêu cầu ông H1



chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc ông thực hiện quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất 739,20m<sup>2</sup>.

Nhận thấy, phần đất có diện tích 739,20m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 13, thửa số 31 tọa lạc ấp N, xã N ông Nguyễn Văn H đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05432QSĐĐ/eB ngày 12/11/2001; kèm Hồ sơ kỹ thuật khu đất do Phòng Địa chính huyện C lập ngày 06/10/2001.

Về nguồn gốc đất các đương sự: ông H1, ông H1, ông Dương, bà Trang, bà Dung và UBND huyện C đều xác định là của vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Hồ Thị D được cha là ông Hồ Văn N cho vào năm 1976, không có giấy tờ, không rõ diện tích, đất tọa lạc ấp N, xã N, lúc đầu thì cất nhà tạm, đến năm 1995 thì vợ chồng ông H1 cất nhà kiên cố và sử dụng ổn định cho đến nay.

Khi có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư nông thôn theo Quyết định 283/1999/QĐ-UBND ngày 13/02/1999 của UBND tỉnh An Giang quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất vườn, đất chuyên dùng tại nông thôn. Ông Nguyễn Văn H, bà Hồ Thị D làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất với diện tích 739,20m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm. Hồ sơ được các hộ tứ cận thống nhất ký tên, trong đó có ông Hồ Văn K (cha ông Hồ Văn Trung H1) nên Hội đồng xét cấp giấy xã Nhơn Mỹ thống nhất và đề nghị UBND huyện cấp giấy cho ông Nguyễn Văn H. Ngày 12/11/2001, ông Nguyễn Văn H được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05432QSĐĐ/eB, diện tích 739,20m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 13, thửa số 31 đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc ấp N, xã N.

Do ông H1 có xây cất 01 phần căn nhà củi trên phần đất diện tích 0.9m<sup>2</sup> và cắm trụ đá trên phần đất 8.6m<sup>2</sup> của ông H1. Đồng thời, ông H1 cản trở không cho ông H1 xây dựng trên toàn bộ diện tích đất 739,20m<sup>2</sup> nên ông H1 yêu cầu ông H1 phải tháo dỡ di dời 01 phần căn nhà củi và di dời trụ đá trả lại diện tích 8.6m<sup>2</sup> cho ông sử dụng và không được cản trở ông xây dựng nhà.

Ông H1 thừa nhận mẹ ông là bà B đã xây cất nhà củi nay ông trực tiếp quản lý sử dụng và việc ông cắm trụ đá trên phần diện tích đất 8.6m<sup>2</sup> như ông H1 trình bày là năm 2014 ông yêu cầu cán bộ địa chính xã thực hiện đo đạc lại chia đều 3 phần đất như gia đình đã chia từ năm 1976. Nay theo Sơ đồ hiện trạng khu đất đã đo đạc cho rằng ông đã lấn chiếm phần diện tích đất 8.6m<sup>2</sup> của ông H1 nhưng ông không đồng ý tháo dỡ di dời các vật kiến trúc vì cho rằng phần diện tích đất tranh chấp là của gia đình ông đã được chia từ năm 1976 trước đây, có cung cấp bản vẽ tay photo cho rằng được ông nội ông Hồ Văn D phân chia từ trước do ông Hồ Phước Thủ đại diện chia đều 3 phần (mặt hậu 24,2m; mặt tiền 7,8m), ông chỉ đồng ý khi có Bản án.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H và ông Hồ Văn Trung H1 do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C lập 18/11/2020 thể hiện:

- Các điểm 1, 2, 10, 32, 9, 8, 12, 13, 14, 16, 17 có DT = 3476,5m<sup>2</sup>. Hiện trạng ông Hồ Văn Trung H1 đang sử dụng.

- Các điểm 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 có DT= 739,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa 30, tờ 13, cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Văn H.

Phần đất tranh chấp có các điểm 8, 9, 10 có diện tích = 8,6m<sup>2</sup>. Hiện trạng ông Hồ Văn Trung H1 đang sử dụng. Trong đó, các điểm 31, 32, 33, 34 có DT = 0.9m<sup>2</sup> là một phần nhà cũ của ông Hồ Văn Trung H1.

Đồng thời, tại Công văn số 238/CBCM ngày 12/11/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01357QSDĐ/eB cấp ngày 15/10/1993, với diện tích 2.916m<sup>2</sup> cho ông Hồ Văn K, được cấp theo bản đồ không ảnh nên không có cơ sở để xác định vị trí phần đất đã cấp lên sơ đồ hiện trạng khu đất giữa ông Nguyễn Văn H và ông Hồ Văn Trung H1 do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C lập 30/9/2019 (nay ngày 18/11/2020). Tuy nhiên, xét thấy tổng diện tích ông H1 đang quản lý sử dụng thực tế 3476.5m<sup>2</sup> nhiều hơn diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01357/eB UBND huyện C cấp ngày 15/10/1993, với diện tích 2.916m<sup>2</sup> cho ông Hồ Văn K (cha ông H1). Và việc ông cung cấp bản vẽ sơ đồ phân chia đất do ông Hồ Phước Thủ đại diện phân chia đất cho ông Hồ Văn U, Hồ Văn K và Hồ Văn N thể hiện: mặt tiền 7,8m và mặt hậu 24m; phù hợp lời trình bày của ông T tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2019 của TAND huyện C: nguồn gốc đất tranh chấp là của cha ông Hồ Ngọc Dũng đã chết, sau đó khoảng năm 1976 ông có phân chia đất thống nhất cho các anh em cấm trụ đang có sẵn nhà trên phần đất thành 03 phần bằng nhau: mỗi phần có chiều ngang mặt hậu 24,2m; chiều ngang mặt tiền 7,8m không rõ chiều dài đất và sau đó các anh em để lại cho các con sử dụng. Đồng thời đối chiếu Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 18/11/2020 thì thửa đất ông H1 đang quản lý sử dụng có chiều ngang mặt tiền 8,33m (móc 12,13) và mặt hậu là 24,22m (móc 1,2) vẫn lớn hơn chiều ngang đất mặt tiền và mặt hậu mà ông trình bày đã được ông T đại diện phân chia trước đó. Mặt khác, như đã nhận định ở trên ông Nguyễn Văn H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng đối tượng và trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Do đó, nay ông H1 cho rằng phải phân chia đều lại 03 phần diện tích đất nếu ông có xây cất hoặc trụ đã cấm có lần qua phần của ông H1 thì ông mới tháo dỡ di dời trả lại phần đất lấn chiếm đó cho ông H1, nhưng không được ông H1 đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận ý kiến của ông H1.

Vì phần đất tranh chấp 8.6m<sup>2</sup> nêu trên nằm trong phần diện tích đất 739.2m<sup>2</sup> ông Nguyễn Văn H đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05432QSDĐ/eB ngày 12/11/2001 và hồ sơ kỹ thuật khu đất do Phòng Địa chính Chợ Mới lập ngày 06/10/2001 nên yêu cầu của ông H1 là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc ông Hồ Văn Trung H1 phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời một phần nhà cũ được giới hạn bởi các điểm 31, 32, 33, 34 có diện tích 0.9m<sup>2</sup> và các vật kiến trúc khác có trên đất để giao trả cho ông Nguyễn Văn H phần diện tích đất 8.6m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm 8,9,10 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H và ông Hồ Văn Trung H1 do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C lập ngày 18/11/2020.

(Đính kèm bản Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H và ông Hồ Văn Trung H1 do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C lập ngày 18/11/2020).

Xét việc yêu cầu ông H1 phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc ông H1 thực hiện quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất 739.2m<sup>2</sup>: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông H1 đã có hành vi cản trở ông sử dụng quyền sử dụng đất. Đồng thời, ông H1 cho rằng do đất đang tranh chấp ranh nhưng ông H1 xây dựng tường giáp ranh nên ông mới ngăn cản. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu trên của ông H1 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về chi phí tố tụng:

Ông H1 đã nộp 3.263.400 đồng (ba triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, bốn trăm đồng) tiền tạm ứng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản gồm: chi phí đo đạc 873.4000 đồng theo phiếu thu ngày 09/7/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 30/5/2018: 1.000.000 đồng và ngày 29/6/2020: 1.390.000 đồng.

Ông H1 đã nộp 2.349.600 đồng (hai triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm đồng) tiền tạm ứng chi phí đo đạc theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002542 ngày 14/11/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang.

Do yêu cầu của ông H1 được chấp nhận nên ông H1 phải chịu số tiền 5.613.000 đồng (năm triệu, sáu trăm mười ba nghìn đồng) chi phí tố tụng. Ông H1 đã nộp 2.349.600 đồng (hai triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm đồng), nên ông H1 còn phải hoàn trả lại cho ông H1 số tiền 3.263.400 đồng (ba triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, bốn trăm đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của ông H1 được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí (ông H1 thuộc trường hợp người cao tuổi nên đã được miễn tạm ứng án phí).

Ông Hồ Văn Trung H1 phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 2 và khoản 9 Điều 26; Điều 34, Điều 37; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165; Điều 166; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 169, 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1, 7 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Hồ Văn Trung H1 phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời một phần nhà cũ được giới hạn bởi các điểm 31, 32, 33, 34 có diện tích  $0.9m^2$  và các vật kiến trúc khác có trên đất để giao trả cho ông Nguyễn Văn H phần diện tích đất  $8.6m^2$  được giới hạn bởi các điểm bởi các điểm 8, 9, 10 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H và ông Hồ Văn Trung H1 do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C lập ngày 18/11/2020.

(Đính kèm bản Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H và ông Hồ Văn Trung H1 do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh C lập ngày 18/11/2020).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc buộc ông Hồ Văn Trung H1 phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc ông Nguyễn Văn H sử dụng toàn bộ diện tích đất  $739.2m^2$  đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05432QSĐĐ/eB ngày 12/11/2001 mang tên Nguyễn Văn H.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hồ Văn Trung H1 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05432QSĐĐ/eB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 12/11/2001 mang tên ông Nguyễn Văn H.

4. Về chi phí tố tụng:

Ông Hồ Văn Trung H1 phải chịu số tiền 5.613.000 đồng (năm triệu, sáu trăm mười ba nghìn đồng) chi phí tố tụng. Ông H1 đã nộp 2.349.600 đồng (hai triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm đồng), nên ông H1 còn phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền 3.263.400 đồng (ba triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, bốn trăm đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hồ Văn Trung H1 phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- Chi cục THA DS huyện C;
- Cục THA DS tỉnh An Giang;
- Văn phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Minh Châu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2020/QĐST

An Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa bản án do có sự sai sót, nhầm lẫn trong khâu kiểm tra, đánh máy trong bản án số 64/2020/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

Đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về “Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1950; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; nơi cư trú: khóm 3, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; là đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 07/02/2018).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hồ Văn Trung H1, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

2.2. Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1924 (chết ngày 26/9/2018).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm:

- Ông Hồ Văn Trung H1, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

- Ông Hồ Văn D, sinh năm 1960; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bà Hồ Thị Thùy T, sinh năm 1961; nơi cư trú: ấp 2, xã Kiến Thành, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bà Hồ Thị Phượng L, sinh năm 1963; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bà Hồ Thị Kim H, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bà Hồ Thị Phượng D, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bà Hồ Thị Tuyết H, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bà Hồ Thị Huỳnh G, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp 1, xã Long Điền A, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hồ Thị D, sinh năm 1961; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị D: ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; nơi cư trú: khóm 3, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; là đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 07/02/2018).

3.2. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang; trụ sở: Ấp Thị, thị trấn Chợ Mới, huyện C, tỉnh An Giang.

3.3. Ông Hồ Văn Trung H1, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

3.4. Ông Hồ Văn D, sinh năm 1960; nơi cư trú: Tổ 5, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

3.5. Bà Hồ Thị Thùy T, sinh năm 1961; nơi cư trú: ấp 2, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3.6. Bà Hồ Thị Phượng L, sinh năm 1963; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

3.7. Bà Hồ Thị Kim H, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

3.8. Bà Hồ Thị Phượng D, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp 2, xã Long Điền B, huyện C, tỉnh An Giang.

3.9. Bà Hồ Thị Tuyết H, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

3.10. Bà Hồ Thị Huỳnh G, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp 1, xã Long Điền A, huyện C, tỉnh An Giang.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Sửa chữa Bản án số 64/2020/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang như sau:

Tại dòng thứ 1 đến dòng thứ 17 từ trên xuống, trang 13 của bản án đã ghi:

“6. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành

án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

**Nay sửa chữa như sau:**

“6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- Chi cục THA DS huyện C;
- Cục THA DS tỉnh An Giang;
- Văn phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Minh Châu**



